



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thôn	Chủ tịch
Ông Lê Phước Đức	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên
Ông Võ Văn Á	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Âm	Thành viên
Ông Phạm Thanh Thọ	Thành viên
Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thôn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phước Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thu Hiền	Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phan Bá Ngọc Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Thanh Nhuận	Thành viên
Bà Võ Thị Thùy Tiên	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 23 Hà Hoàng Hồ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán: 16-01-859



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.026.954.201.323	5.191.444.496.166
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	261.045.924.700	166.984.221.758
Tiền	111		261.045.924.700	166.984.221.758
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13(a)	25.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.268.204.842.104	3.361.998.025.292
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.231.077.095.031	3.304.454.142.747
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.621.704.498	39.525.926.312
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	121.457.058.919	121.450.288.918
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(138.951.016.344)	(103.432.332.685)
Hàng tồn kho	140	9	1.464.525.461.172	1.585.307.929.755
Hàng tồn kho	141		1.465.601.144.036	1.592.114.378.584
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.075.682.864)	(6.806.448.829)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.177.973.347	77.154.319.361
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	6.409.390.734	6.251.244.606
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.768.582.613	20.840.763.763
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	-	50.062.310.992
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.201.928.256.719	1.166.277.993.007
Tài sản cố định	220		644.697.110.228	635.141.420.620
Tài sản cố định hữu hình	221	10	439.742.642.564	430.297.829.149
Nguyên giá	222		687.098.266.044	624.389.106.300
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(247.355.623.480)	(194.091.277.151)
Tài sản cố định vô hình	227	11	204.954.467.664	204.843.591.471
Nguyên giá	228		208.483.452.747	206.901.870.747
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.528.985.083)	(2.058.279.276)
Tài sản dở dang dài hạn	240		91.237.557.345	32.279.362.131
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	91.237.557.345	32.279.362.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13(b)	420.349.930.624	443.502.018.000
Đầu tư vào các công ty con	251		443.091.826.000	434.322.018.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	10.893.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.741.895.376)	(1.713.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		45.643.658.522	55.355.192.256
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	29.069.961.054	40.664.353.335
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	16.573.697.468	14.690.838.921
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.228.882.458.042	6.357.722.489.173
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.976.222.038.005	4.248.803.029.389
Nợ ngắn hạn	310		3.850.868.141.859	3.813.880.870.183
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.539.949.333.293	1.236.705.499.622
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.705.702.655	21.605.125.908
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	74.574.028.927	9.197.190.129
Phải trả người lao động	314		40.165.863.891	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	61.081.681.145	137.045.343.775
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	150.470.156.379	13.881.100.709
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.901.737.485.956	2.311.310.062.175
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	47.183.889.613	84.136.547.865
Nợ dài hạn	330		125.353.896.146	434.922.159.206
Phải trả dài hạn khác	337		1.690.000.000	2.940.000.000
Vay dài hạn	338	20(b)	73.721.650.000	371.759.700.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	49.942.246.146	60.222.459.206

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.252.660.420.037	2.108.919.459.784
Vốn chủ sở hữu	410	23	2.252.660.420.037	2.108.919.459.784
Vốn cổ phần	411	24	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		683.864.950.466	669.739.712.184
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		179.556.267.456	178.667.704.543
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		439.554.702.115	310.827.543.057
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		310.827.543.057	367.201.088.131
- Chi trả cổ tức	421a	25	(201.483.450.000)	(195.391.599.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(92.128.519.702)	(184.858.298.928)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		422.339.128.760	323.876.352.854
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.228.882.458.042	6.357.722.489.173

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	7.876.063.424.964	8.093.677.900.955
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	184.125.439.524	169.754.486.287
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	7.691.937.985.440	7.923.923.414.668
Giá vốn hàng bán	11	28	6.083.767.771.835	6.300.431.972.120
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.608.170.213.605	1.623.491.442.548
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	25.982.667.814	25.011.612.503
Chi phí tài chính	22	30	170.279.814.012	204.321.272.606
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		114.401.869.542	117.431.189.163
Chi phí bán hàng	25	31	577.273.068.172	640.410.233.829
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	378.658.445.204	373.202.651.735
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		507.941.554.031	430.568.896.881
Thu nhập khác	31	33	27.260.322.455	18.818.403.214
Chi phí khác	32		609.275.884	23.029.345.808
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		26.651.046.571	(4.210.942.594)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		534.592.600.602	426.357.954.287
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	114.136.330.389	101.873.340.699
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(1.882.858.547)	608.260.734
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		422.339.128.760	323.876.352.854

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Lộc Trời
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		534.592.600.602	426.357.954.287
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		55.776.900.935	49.634.018.956
Các khoản dự phòng	03		42.480.619.588	36.806.649.757
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.733.938.594	52.583.576.144
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	05		(14.302.109.091)	(572.608.828)
Lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức	05		(4.363.402.487)	(4.677.554.826)
Chi phí lãi vay	06		114.401.869.542	117.431.189.163
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		737.320.417.683	677.563.224.653
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		120.389.359.439	(285.375.749.961)
Biến động hàng tồn kho	10		126.513.234.548	(368.621.553.955)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		263.997.528.381	(279.668.353.792)
Biến động chi phí trả trước	12		13.174.222.366	20.780.518.840
			1.261.394.762.417	(235.321.914.215)
Tiền lãi vay đã trả	14		(115.638.864.765)	(115.983.316.478)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.794.058.182)	(107.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(114.067.376.759)	(81.849.383.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		1.023.894.462.711	(540.154.614.589)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(121.799.968.239)	(140.913.567.450)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.681.706.308	846.848.485
Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(214.000.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		189.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25		(8.769.808.000)	(7.775.948.000)
Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn	26		9.881.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.363.402.487	4.677.554.826
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(123.643.667.444)	(143.165.112.139)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	87.257.500.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		4.614.627.688.134	6.489.335.525.649
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.331.762.890.137)	(5.689.197.545.212)
Tiền trả cổ tức	36		(89.398.395.000)	(194.989.224.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(806.533.597.003)	692.406.256.437
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		93.717.198.264	9.086.529.709
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		166.984.221.758	157.890.025.705
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		344.504.678	7.666.344
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	261.045.924.700	166.984.221.758

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, và thực phẩm; xây lắp và bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3.091 nhân viên (1/1/2016: 3.239 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 2 năm đến 14 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 7 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

(o) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong năm trước.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	8.986.548.161	31.033.003.562
Tiền gửi ngân hàng	252.059.376.539	135.951.218.196
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	<u>261.045.924.700</u>	<u>166.984.221.758</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 49.585 triệu VND (1/1/2016: 10.106 triệu VND) được thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	277.158.983.417	420.622.265.286
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	419.943.309.051	464.011.091.636
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	236.506.403.836	326.345.981.017
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	311.200.511.924	359.424.943.688
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	329.603.888.880	428.519.623.209
Các khách hàng khác	1.656.663.997.923	1.305.530.237.911
	<hr/>	<hr/>
	3.231.077.095.031	3.304.454.142.747
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	277.158.983.417	420.622.265.286
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	419.943.309.051	464.011.091.636
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	236.506.403.836	326.345.981.017
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	311.200.511.924	359.424.943.688
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	329.603.888.880	428.519.623.209
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang - Campuchia	53.761.618.719	81.550.508.408
Các công ty con khác	247.345.869.415	194.542.913.332
	<hr/>	<hr/>
	1.875.520.585.242	2.275.017.326.576
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	42.304.449.679	52.898.054.320
Phải thu nông dân	27.862.469.498	28.313.502.021
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Chiết khấu mua hàng được hưởng	3.635.123.680	8.818.420.140
Phải thu khác	34.506.286.281	18.271.582.656
	<hr/>	<hr/>
	121.457.058.919	121.450.288.918
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Nguyễn Minh Hùng	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024	Từ 1 đến 2 năm	11.569.185.956	(3.470.755.787)	8.098.430.169
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-	Từ 2 đến 3 năm	11.195.607.350	(9.195.607.350)	2.000.000.000
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754	Từ 1 đến 2 năm	10.789.345.735	(1.921.466.367)	8.867.879.368
Đinh Thị Phương	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287	Từ 1 đến 2 năm	9.368.581.625	(4.191.003.763)	5.177.577.862
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-	Từ 2 đến 3 năm	7.275.487.847	(7.248.025.727)	27.462.120
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-	Trên 3 năm	6.784.573.077	(6.784.573.077)	-
Nguyễn Văn Đê	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-	Từ 2 đến 3 năm	4.926.420.708	(4.126.420.708)	800.000.000
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
Doanh nghiệp Tư nhân Bảy Giáp	Trên 3 năm	216.283.491.220	-	-	Trên 3 năm	7.828.087.467	(7.828.087.467)	-
Các đối tượng khác		216.283.491.220	(89.456.576.771)	126.826.914.449		89.890.427.298	(54.654.629.119)	35.235.798.179
		280.700.280.858	(138.951.016.344)	141.749.264.514		163.639.480.383	(103.432.332.685)	60.207.147.698



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	103.432.332.685	77.258.856.612
Trích lập dự phòng trong năm	48.852.851.696	39.466.607.784
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.334.168.037)	(13.293.131.711)
Số dư cuối năm	138.951.016.344	103.432.332.685

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	19.020.874.159	-	17.888.473.600	-
Nguyên vật liệu	319.710.983.059	-	233.265.737.003	-
Công cụ, dụng cụ	1.338.350.669	-	1.218.071.857	-
Sản phẩm dở dang	28.577.304.742	-	27.125.626.903	-
Thành phẩm	139.910.167.471	(1.075.682.864)	284.890.873.803	(6.806.448.829)
Hàng hóa	938.793.655.021	-	1.021.413.014.042	-
Hàng gửi đi bán	18.249.808.915	-	6.312.581.376	-
	1.465.601.144.036	(1.075.682.864)	1.592.114.378.584	(6.806.448.829)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.806.448.829	-
Trích lập dự phòng trong năm	3.091.317.328	6.806.448.829
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.822.083.293)	-
Số dư cuối năm	1.075.682.864	6.806.448.829

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 3.775 triệu VND thành phẩm (1/1/2016: 23.992 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	299.756.080.009	145.055.622.507	165.442.020.140	14.135.383.644	624.389.106.300
Tăng trong năm	613.284.000	21.019.715.938	15.129.354.179	878.337.045	37.640.691.162
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	23.679.682.231	1.603.628.408	827.006.742	-	26.110.317.381
	-	-	(1.041.848.799)	-	(1.041.848.799)
Số dư cuối năm	324.049.046.240	167.678.966.853	180.356.532.262	15.013.720.689	687.098.266.044
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.841.190.329	45.455.095.311	90.366.009.232	7.428.982.279	194.091.277.151
Khấu hao trong năm	18.407.568.351	15.622.088.688	18.235.835.895	2.040.702.194	54.306.195.128
Phân loại lại Thanh lý	4.868.639	(163.508.970)	8.767.725	149.872.606	-
	-	-	(1.041.848.799)	-	(1.041.848.799)
Số dư cuối năm	69.253.627.319	60.913.675.029	107.568.764.053	9.619.557.079	247.355.623.480
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	248.914.889.680	99.600.527.196	75.076.010.908	6.706.401.365	430.297.829.149
Số dư cuối năm	254.795.418.921	106.765.291.824	72.787.768.209	5.394.163.610	439.742.642.564

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 77.308 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 53.890 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	200.712.089.806	6.189.780.941	206.901.870.747
Tăng trong năm	1.900.000.000	-	1.900.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.597.582.000	-	2.597.582.000
Thanh lý	(2.916.000.000)	-	(2.916.000.000)
Số dư cuối năm	202.293.671.806	6.189.780.941	208.483.452.747
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	225.014.452	1.833.264.824	2.058.279.276
Khấu hao trong năm	279.604.811	1.191.100.996	1.470.705.807
Số dư cuối năm	504.619.263	3.024.365.820	3.528.985.083
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	200.487.075.354	4.356.516.117	204.843.591.471
Số dư cuối năm	201.789.052.543	3.165.415.121	204.954.467.664

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.407 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	32.279.362.131	51.380.919.002
Tăng trong năm	89.867.668.025	107.479.221.783
Chuyển sang công ty con	-	(11.246.758.983)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.110.317.381)	(91.353.042.408)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.597.582.000)	(17.547.623.060)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.737.976.213)	(6.433.354.203)
Thanh lý	(463.597.217)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	91.237.557.345	32.279.362.131

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Nhà máy thuốc Châu Thành	32.203.272.958	11.231.091.850
Hệ thống máy ủ hạt giống	17.560.236.232	-
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	7.505.705.402	9.678.948.231
Nâng cấp các trại sản xuất hạt giống	5.734.259.266	8.556.124.811
Các dự án khác	28.234.083.487	2.813.197.239
	<hr/>	<hr/>
	91.237.557.345	32.279.362.131

13. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết
Đầu tư vào các công ty con:				
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	100%	120.000.000.000	(11.535.225.058)	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thọại Sơn	100%	60.000.000.000	-	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	100%	60.000.000.000	(11.206.670.318)	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	100%	60.000.000.000	-	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	100%	60.000.000.000	-	100%
▪ Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	76,51%	50.833.316.000	-	77,24%
▪ Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang – Campuchia	100%	14.579.600.000	-	100%
▪ Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	50,44%	12.878.910.000	-	50,44%
▪ Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	60%	3.000.000.000	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	100%	1.800.000.000	-	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ấn Thịnh Điện (i)	100%	-	-	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (ii)	100%	-	-	100%
▪ Công ty TNHH Trích ly dầu cá Vĩnh Hòa (iii)	60%	-	-	60%
		443.091.826.000	(22.741.895.376)	434.322.018.000

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

▪ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang	-	-	-	5%	10.893.000.000	(1.713.000.000)
---	---	---	---	----	----------------	-----------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (“Ân Thịnh Điền”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6300233285 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Hậu Giang cấp ngày 11 tháng 10 năm 2013, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Ân Thịnh Điền.
- (ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (“Vĩnh An”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101751607 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 23 tháng 6 năm 2014, trong đó Công ty nắm giữ 100% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh An.
- (iii) Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (“Vĩnh Hòa”) được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 1101791896 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp ngày 18 tháng 5 năm 2015, trong đó Công ty nắm giữ 60% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Vĩnh Hòa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn phản ánh khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các công ty con (1/1/2016: dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư dài hạn khác). Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.713.000.000	543.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	22.741.895.376	1.170.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.012.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(701.000.000)	-
Số dư cuối năm	22.741.895.376	1.713.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí bảo hiểm trả trước	1.474.289.643	2.743.235.443
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.732.310.510	3.046.172.336
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.202.790.581	461.836.827
	<hr/>	<hr/>
	6.409.390.734	6.251.244.606
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đặt trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.876.814.509	33.787.538.826	40.664.353.335
Tăng trong năm	1.981.984.952	13.953.696.523	15.935.681.475
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.737.976.213	1.737.976.213
Phân bổ trong năm	(4.816.645.669)	(24.451.404.300)	(29.268.049.969)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.042.153.792	25.027.807.262	29.069.961.054
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	6.831.871.097	3.137.040.482
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.439.344.821	11.553.798.439
Phải trả ngắn hạn khác	302.481.550	-
	<hr/>	<hr/>
	16.573.697.468	14.690.838.921
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.254.803.250.645	1.061.981.879.466
Eastchem Co., Ltd	66.643.444.780	72.756.133.450
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	66.246.150.000	-
Công ty TNHH UPL Việt Nam	36.730.284.150	25.007.513.265
Các nhà cung cấp khác	115.526.203.718	76.959.973.441
	<hr/> 1.539.949.333.293	<hr/> 1.236.705.499.622

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	4.000.000.000	-
	<hr/> 4.000.000.000	<hr/> -

Khoản phải trả thương mại cho các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số được hoàn trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	413.823.652.993	(351.219.550.187)	-	(51.280.286.541)	11.323.816.265
Thuế thu nhập cá nhân	7.038.622.232	32.661.070.553	-	(10.913.242.742)	(21.746.779.331)	7.039.670.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	114.136.330.389	(50.062.310.992)	-	(7.794.058.182)	56.279.961.215
Các loại thuế khác	2.158.567.897	6.337.115.195	-	-	(8.565.102.357)	(69.419.265)
	9.197.190.129	566.958.169.130	(401.281.861.179)	(10.913.242.742)	(89.386.226.411)	74.574.028.927

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	50.062.310.992	-	-	(50.062.310.992)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	52.085.789.616	82.424.731.313
Chi phí hội nghị khách hàng	4.936.307.500	46.000.000.000
Chi phí lãi vay	2.998.264.673	4.235.259.896
Phân phối nhượng quyền thương mại	990.593.756	3.367.357.223
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	70.725.600	1.017.995.343
	<hr/>	<hr/>
	61.081.681.145	137.045.343.775
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	113.253.975.000	1.168.920.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	5.307.763.083	7.433.194.850
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	2.210.350.006	1.739.724.679
Phải trả ngắn hạn khác	29.698.068.290	3.539.261.180
	<hr/>	<hr/>
	150.470.156.379	13.881.100.709
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.010.300.262.175	4.614.627.688.134	(5.030.753.090.137)	4.828.025.784	1.599.002.885.956	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	301.009.800.000	302.734.600.000	(301.009.800.000)	-	302.734.600.000	
	2.311.310.062.175	4.917.362.288.134	(5.331.762.890.137)	4.828.025.784	1.901.737.485.956	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

Thuyết minh	Loại tiền	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
(a) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	148.108.653.202	186.292.377.771
(b) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	92.343.409.950	4.678.554.000
(c) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	VND	24.458.401.800	107.631.267.584
(d) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	129.408.819.652	491.989.174.856
(e) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	VND	159.934.018.592	394.174.066.070
(f) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	93.670.367.500	288.970.311.413
(g) Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	USD	478.002.000.000	315.560.000.000
(h) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	442.138.234.400	200.015.094.481
(i) Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	14.025.904.380	20.989.416.000
(i) Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	16.913.076.480	-
		1.599.002.885.956	2.010.300.262.175

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- a. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,0% (2015: từ 7% đến 7,8%).
- b. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 4,9% (2015: từ 4,8% đến 5,5%).
- c. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,6% (2015: từ 4,7% đến 5,3%).
- d. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,0% (2015: từ 4,5% đến 6,1%).
- e. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,5% (2015: từ 4,5% đến 5,0%).
- f. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 4,8% đến 5,0% (2015: từ 4,8% đến 5,5%).
- g. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm từ 2,0% đến 2,3% (2015: từ 2,0% đến 2,1%).
- h. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 4,6% đến 5,0% (2015: 4,7%).
- i. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 4,7% đến 4,9% (2015: 4,7%) cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	376.456.250.000	672.769.500.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(302.734.600.000)	(301.009.800.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	73.721.650.000	371.759.700.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited	(a)	USD	2018	4,5% - 4,8%	355.656.250.000	651.969.500.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(b)	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
					376.456.250.000	672.769.500.000

a. Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 49.585 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 10.106 triệu VND) (Thuyết minh 5) và động sản với giá trị ghi sổ là 429.339 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 451.734 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

b. Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (a) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 388.208 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 391.811 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở của khoản vay (a). Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	84.136.547.865	76.190.617.648
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	48.433.025.420	75.537.514.000
Sử dụng quỹ trong năm	(85.385.683.672)	(67.591.583.783)
Số dư cuối năm	47.183.889.613	84.136.547.865

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng dài hạn trong năm như sau:

	Bảo hành xây lắp VND	Trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.453.467.011	57.768.992.195	60.222.459.206
Trích lập dự phòng trong năm	866.269.797	-	866.269.797
Sử dụng dự phòng trong năm	(323.819.828)	(608.199.750)	(932.019.578)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(250.394.940)	(9.964.068.339)	(10.214.463.279)
Số dư cuối năm	2.745.522.040	47.196.724.106	49.942.246.146

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	652.050.000.000	238.950.000.000	595.526.430.256	157.818.001.656	367.201.088.131	2.011.545.520.043
Phát hành cổ phiếu	19.561.500.000	39.123.000.000	-	-	-	58.684.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	323.876.352.854	323.876.352.854
Trích lập các quỹ	-	-	197.788.417.086	35.107.503.000	(232.895.920.086)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(75.537.514.000)	(75.537.514.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(195.391.599.000)	(195.391.599.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(14.257.800.113)	-	(14.257.800.113)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	(123.575.135.158)	-	123.575.135.158	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	669.739.712.184	178.667.704.543	310.827.543.057	2.108.919.459.784
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	422.339.128.760	422.339.128.760
Trích lập các quỹ	-	-	40.103.564.904	29.570.256.000	(69.673.820.904)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(48.433.025.420)	(48.433.025.420)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(28.681.693.087)	-	(28.681.693.087)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	(25.978.326.622)	-	25.978.326.622	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	683.864.950.466	179.556.267.456	439.554.702.115	2.252.660.420.037

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2016 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND mỗi cổ phiếu (2015: 195.392 triệu VND, tương đương 3.000 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê tài sản

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	4.058.926.743	1.926.952.118
Trong vòng 2 đến 5 năm	5.610.192.221	4.332.990.744
Sau 5 năm	6.970.497.894	5.242.382.156
	<hr/>	<hr/>
	16.639.616.858	11.502.325.018
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.408.030	54.531.876.643	1.715.726	38.518.320.006
EUR	145	3.467.370	-	-
		<hr/>		<hr/>
		54.535.344.013		38.518.320.006
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	19.706.528.446	3.669.270.996
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	5.051.469.748.987	4.521.153.870.229
▪ Lương thực – Gạo	1.940.530.947.337	2.423.597.589.232
▪ Hạt giống cây trồng	702.212.389.674	941.202.959.044
▪ Bao bì	181.850.338.966	200.849.677.811
▪ Doanh thu khác	-	6.873.804.639
	<hr/> 7.876.063.424.964	<hr/> 8.093.677.900.955
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	124.054.087.414	169.475.873.881
▪ Hàng bán bị trả lại	60.071.352.110	278.612.406
	<hr/> 184.125.439.524	<hr/> 169.754.486.287
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 7.691.937.985.440	<hr/> <hr/> 7.923.923.414.668

28. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.526.600.808.968	3.196.061.981.860
▪ Lương thực – Gạo	1.842.100.923.664	2.275.831.279.204
▪ Hạt giống cây trồng	564.718.969.171	658.357.040.470
▪ Bao bì	150.347.070.032	166.436.817.594
▪ Giá vốn của doanh thu khác	-	3.744.852.992
	<hr/> 6.083.767.771.835	<hr/> 6.300.431.972.120

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.352.839.487	3.436.804.206
Cổ tức	3.010.563.000	1.240.750.620
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.251.842.525	19.945.479.423
Doanh thu hoạt động tài chính khác	367.422.802	388.578.254
	<hr/>	<hr/>
	25.982.667.814	25.011.612.503

30. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	114.401.869.542	117.431.189.163
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	22.040.895.376	1.170.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.051.560.697	24.159.186.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	8.733.938.594	52.583.576.144
Chiết khấu thanh toán	387.343.601	3.499.649.979
Chi phí tài chính khác	6.664.206.202	5.477.671.159
	<hr/>	<hr/>
	170.279.814.012	204.321.272.606

31. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND
Chi phí cho nhân viên	198.584.341.325	151.188.627.806
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	190.309.780.555	223.546.051.252
Chi phí vận chuyển	41.639.196.981	59.772.674.641
Chi phí giao tế, hội nghị khách hàng	36.583.014.404	102.859.807.611
Công tác phí	31.686.362.779	27.595.426.678
Chi phí xuất khẩu	17.623.950.731	22.226.841.799
Khấu hao và phân bổ	11.470.691.053	12.238.159.793
Chi phí vật liệu bao bì	10.742.475.371	9.833.364.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.821.761.942	24.304.956.520
Chi phí khác	9.811.493.031	6.844.323.592
	<hr/>	<hr/>
	577.273.068.172	640.410.233.829

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí cho nhân viên	207.536.464.929	224.325.049.224
Chi phí giao tế	21.003.168.683	25.422.159.179
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	35.518.683.659	26.173.476.073
Khấu hao và phân bổ	15.972.998.004	15.959.029.499
Công tác phí	11.305.872.281	12.700.727.858
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.737.272.009	6.249.173.392
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.652.092.546	11.486.742.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.338.885.573	22.926.349.872
Chi phí khác	47.593.007.520	27.959.943.865
	<hr/>	<hr/>
	378.658.445.204	373.202.651.735

33. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	14.302.109.091	572.608.828
Hỗ trợ từ các đối tác	9.240.973.257	12.243.424.041
Thu nhập từ khuyến mãi mua hàng và hỗ trợ mua hàng	640.769.616	1.553.997.049
Thu nhập khác	3.076.470.491	4.448.373.296
	<hr/>	<hr/>
	27.260.322.455	18.818.403.214

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.936.759.380.942	5.475.732.309.455
Chi phí nhân công và nhân viên	482.238.052.874	490.993.918.336
Chi phí khấu hao và phân bổ	55.776.900.935	49.634.018.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.948.465.350	419.011.000.298
Chi phí khác	200.529.827.517	248.985.341.318

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	114.136.330.389	101.873.340.699
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.882.858.547)	608.260.734
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	112.253.471.842	102.481.601.433

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	534.592.600.602	426.357.954.287
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	106.918.520.120	93.798.749.943
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	1.469.083.892
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.937.064.322	7.486.732.733
Thu nhập không chịu thuế	(602.112.600)	(272.965.135)
Thuế suất áp dụng	112.253.471.842	102.481.601.433

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**36. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	113.253.975.000	1.168.920.000
Xây dựng cơ bản dở dang nhận từ một công ty con chưa thanh toán	7.608.390.948	-

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2016 VND	2015 VND
Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang - Campuchia		
Bán hàng hóa	18.334.787.900	34.406.282.836
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình		
Bán hàng hóa	64.733.246.685	147.733.389.680
Mua hàng hóa	326.209.665.923	434.856.292.570
Bán công cụ dụng cụ	-	66.802.088
Mua công cụ dụng cụ	-	71.509.900
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn		
Bán hàng hóa	90.078.004.076	146.908.692.393
Mua hàng hóa	506.708.388.475	555.513.191.203
Bán công cụ dụng cụ	-	110.677.843
Cung cấp dịch vụ	-	160.466.419
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng		
Bán hàng hóa	48.000.987.069	95.456.497.072
Mua hàng hóa	324.294.960.310	404.027.293.505
Bán công cụ dụng cụ	1.115.801.120	198.836.701
Cung cấp dịch vụ	-	10.795.120
Mua dịch vụ	373.443.510	753.196.620
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng		
Bán hàng hóa	93.035.753.637	149.286.272.267
Mua hàng hóa	271.156.248.064	479.345.634.107
Bán công cụ dụng cụ	-	174.620.661
Mua công cụ dụng cụ	-	72.551.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2016 VND	2015 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vinh Lộc		
Bán hàng hóa	67.966.264.018	92.471.711.052
Mua hàng hóa	394.165.758.500	316.679.409.920
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang		
Mua dịch vụ	2.617.874.382	6.621.005.043
Cổ tức	1.800.000.000	790.750.620
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền		
Bán hàng hóa	401.803.010	89.891.332.902
Mua công cụ dụng cụ	-	9.890.909
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất Giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh		
Bán hàng hóa	2.455.572.915	1.579.712.600
Góp vốn	3.969.808.000	7.775.948.000
Nhận tiền vay	4,000,000,000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	22.687.877.600	36.259.375.270
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	5.465.355.341	7.231.324.763

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc